

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Bùi Lê Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 852024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Lô A đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tường Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Lô A đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Tường Đ quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/8/2004. Sau khi chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình mà thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần bỏ đi khỏi nhà mà không rõ lý do. Chỉ một vấn đề nhỏ xảy ra trong gia đình cũng khiến vợ chồng cãi nhau, nhiều lần có xảy ra xô xát. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Ngoài ra ông Đ thường xuyên đánh đập con cái và vợ vô cớ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3

năm 2020 cho đến nay. Hiện nay cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà H1 thấy không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Tường Đ

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 xác nhận vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2005 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/9/2012. Do cháu Á đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N hiện nay đang được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị H1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành. Hiện chị H1 đang kinh doanh, mỗi tháng thu nhập khoảng 12.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con. Do ông Đ không quan tâm, chăm sóc các con, không đưa tiền để tôi nuôi dưỡng các con và thường xuyên bỏ đi nên tôi không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H1, bà H1 được ly hôn với ông Nguyễn Tường Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Tường Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tường Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Tường Đ không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Thu H1, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương nơi bà H2, ông Đ sinh sống và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Tường Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/8/2004 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án làm việc. Điều này thể hiện ông Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Phía bà Nguyễn Thị Thu H1 cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Tường Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H1.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Tường Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2005 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/9/2012. Do cháu Á đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét. Bà H1 có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành. Cháu N hiện đang ở cùng với bà H1 và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà H1 đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu nên cần giao cháu N cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Ông Nguyễn Tường Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H1 được ly hôn với ông Nguyễn Tường

Đ

- Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Tường Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tường Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003174 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh T.T.Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường K, thành phố H
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

